

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
BAN QUẢN LÝ
KHU KINH TẾ VÂN PHONG
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KKT-QLTNMT

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2018

V/v báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường 09 tháng đầu năm 2018, ước thực hiện năm 2018

Kính gửi:

- Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Suối Dầu;
- Công ty TNHH Hoàn Cầu Vân Phong.

Triển khai Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và Thông tư số 19/2016/TT-BTNMT ngày 24/8/2016 về báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong đề nghị doanh nghiệp lập báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường 09 tháng đầu năm 2018, ước kết quả thực hiện năm 2018 theo biểu mẫu tại Phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT và biểu mẫu kèm theo công văn này, gửi về Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong **trước ngày 19/10/2018** để tổng hợp báo cáo.

Doanh nghiệp có thể tải nội dung các biểu mẫu báo cáo tại Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý theo địa chỉ: <http://vanphong.khanhhoa.gov.vn> và gửi báo cáo theo địa chỉ email: pthyen@khanhhoa.gov.vn hoặc fax: 0258. 3560494.

Đề nghị doanh nghiệp nghiêm túc triển khai thực hiện theo đúng thời gian quy định./.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, QLTNMT.

Thái Huy Đức

BIỂU MẪU
BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2018
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CHỦ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, KINH DOANH HẠ TẦNG KCN
(Kèm theo Công văn số/KKT-QLTNMT ngày .../.../2018
của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên doanh nghiệp:
2. Tên KCN:
3. Điện thoại liên lạc:
4. Ngành nghề hoạt động:
5. Quy mô hoạt động;
6. Địa điểm cơ sở (đính kèm bảng tọa độ VN 2000):
7. Thông tin về quy mô diện tích KCN:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy mô
1	Tổng diện tích	ha	
2	Tổng diện tích cây xanh	ha	
3	Tỷ lệ lấp đầy	%	
4	Công suất hệ thống xử lý nước thải	m ³ /ngày	

PHẦN II. BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Tình hình phát sinh và xử lý các loại chất thải:

STT	Loại chất thải	Đơn vị tính	Số lượng phát sinh	Số lượng, tỷ lệ (%) lượng chất thải xử lý đạt QCVN	Biện pháp xử lý	Nguồn tiếp nhận chất thải sau xử lý
1	Tổng lượng nước thải	m ³ /ngày			<input type="checkbox"/> Tự xử lý (có HTXLNTTT) <input type="checkbox"/> Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý <input type="checkbox"/> Hình thức khác (nêu rõ):.....	<input type="checkbox"/> Tên đơn vị nhận xử lý:..... <input type="checkbox"/> Nguồn tiếp nhận khác (nêu rõ):.....
2	Tổng lượng chất thải rắn	tấn/ngày				
2.1	Lượng CTCNTT	tấn/ngày			<input type="checkbox"/> Tự thu gom <input type="checkbox"/> Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý <input type="checkbox"/> Hình thức khác (nêu rõ):.....	<input type="checkbox"/> Tên đơn vị nhận xử lý:..... <input type="checkbox"/> Nguồn tiếp nhận khác (nêu rõ):.....

STT	Loại chất thải	Đơn vị tính	Số lượng phát sinh	Số lượng, tỷ lệ (%) lượng chất thải xử lý đạt QCVN	Biện pháp xử lý	Nguồn tiếp nhận chất thải sau xử lý
	CTRCNTT được thu gom	tấn/ngày			<input type="checkbox"/> Tự thu gom <input type="checkbox"/> Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý <input type="checkbox"/> Hình thức khác (nêu rõ):.....	<input type="checkbox"/> Tên đơn vị nhận xử lý:..... <input type="checkbox"/> Nguồn tiếp nhận khác (nêu rõ):.....
	CTRCNTT được tái chế, tái sử dụng	tấn/ngày			<input type="checkbox"/> Tự tái chế, tái sử dụng <input type="checkbox"/> Chuyển giao cho đơn vị khác <input type="checkbox"/> Hình thức khác (nêu rõ):.....	<input type="checkbox"/> Tên đơn vị nhận xử lý:..... <input type="checkbox"/> Nguồn tiếp nhận khác (nêu rõ):.....
	CTRCNTT được xử lý, chôn lấp	tấn/ngày			<input type="checkbox"/> Tự xử lý <input type="checkbox"/> Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý <input type="checkbox"/> Hình thức khác (nêu rõ):.....	<input type="checkbox"/> Tên đơn vị nhận xử lý:..... <input type="checkbox"/> Nguồn tiếp nhận khác (nêu rõ):.....
2.2	Lượng CTRSH	tấn/ngày			<input type="checkbox"/> Tự xử lý <input type="checkbox"/> Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý <input type="checkbox"/> Hình thức khác (nêu rõ):.....	<input type="checkbox"/> Tên đơn vị nhận xử lý:..... <input type="checkbox"/> Nguồn tiếp nhận khác (nêu rõ):.....
2.3	Bùn thải (nếu có)	tấn/ngày			<input type="checkbox"/> Tự xử lý <input type="checkbox"/> Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý <input type="checkbox"/> Hình thức khác (nêu rõ):.....	<input type="checkbox"/> Tên đơn vị nhận xử lý:..... <input type="checkbox"/> Nguồn tiếp nhận khác (nêu rõ):.....
3	Chất thải nguy hại					
3.1	Chất thải rắn (nêu rõ):	tấn/ngày			<input type="checkbox"/> Tự xử lý <input type="checkbox"/> Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý <input type="checkbox"/> Hình thức khác (nêu rõ):.....	<input type="checkbox"/> Tên đơn vị nhận xử lý:..... <input type="checkbox"/> Nguồn tiếp nhận khác (nêu rõ):.....
3.2	Chất thải lỏng (nêu rõ):	m ³ /ngày			<input type="checkbox"/> Tự xử lý <input type="checkbox"/> Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý <input type="checkbox"/> Hình thức khác (nêu rõ):.....	<input type="checkbox"/> Tên đơn vị nhận xử lý:..... <input type="checkbox"/> Nguồn tiếp nhận khác (nêu rõ):.....

STT	Loại chất thải	Đơn vị tính	Số lượng phát sinh	Số lượng, tỷ lệ (%) lượng chất thải xử lý đạt QCVN	Biện pháp xử lý	Nguồn tiếp nhận chất thải sau xử lý
				
4	Tổng lượng khí thải phát sinh	m ³ /h				

2. Hoạt động bảo vệ môi trường của doanh nghiệp:

2.1. Thực hiện việc xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường:

Có Không

2.2. Thực hiện thủ tục đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại:

Có Không

2.3. Thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật:

Có Không

2.4. Khu tập kết chất thải rắn công nghiệp đạt yêu cầu kỹ thuật:

Có Không

2.5. Hoạt động thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường:

Từ đầu năm đến nay, doanh nghiệp được các cơ quan chức năng thanh tra, kiểm tra hoạt động bảo vệ môi trường:

Có Không

Nếu có, đề nghị liệt kê số đợt thanh tra, kiểm tra theo bảng sau:

STT	Tên đoàn thanh tra/kiểm tra	Nêu vắn tắt kết luận thanh tra/kiểm tra	Số tiền bị xử lý vi phạm hành chính (nếu có)
1			
2			

2.6. Hoạt động khiếu kiện về bảo vệ môi trường:

Từ đầu năm đến nay, doanh nghiệp có bị khiếu kiện về hoạt động bảo vệ môi trường:

Có Không

Nếu có, đề nghị liệt kê số đợt bị khiếu kiện theo bảng sau:

STT	Nêu vắn tắt nội dung bị khiếu kiện	Kết quả xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền
1		
2		

3. Nguồn lực về bảo vệ môi trường:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu
I	Nguồn nhân lực		
1	Số người làm công tác bảo vệ môi trường	người	
2	Số lượt người được đào tạo, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ bảo vệ môi trường	người	
II	Nguồn tài chính		
1	Tổng kinh phí đầu tư cho việc thu gom, vận chuyển xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn	triệu đồng	
2	Tổng kinh phí đầu tư khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường	triệu đồng	
3	Tổng kinh phí đầu tư phát triển mạng lưới quan trắc và thực hiện các chương trình quan trắc môi trường	triệu đồng	
4	Tổng kinh phí chi cho hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường	triệu đồng	

PHẦN III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ:

.....

.....

.....

.....

.....

(Địa danh), ngày tháng năm 2018

CHỦ DOANH NGHIỆP

(ký tên và đóng dấu)

Ghi chú về các chữ viết tắt:

- BVMT: Bảo vệ môi trường;
- CKBVM: Cam kết bảo vệ môi trường;
- CTCNTT: Chất thải rắn công nghiệp thông thường;
- CTRSH: Chất thải rắn sinh hoạt;
- ĐTM: Đánh giá tác động môi trường;
- KHBVM: Kế hoạch bảo vệ môi trường;
- HTXLKT: Hệ thống xử lý khí thải;
- HTXLNTT: Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

PHỤ LỤC 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHU CÔNG
NGHIỆP,

KHU CHẾ XUẤT, KHU CÔNG NGHỆ CAO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TÊN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT, KHU
CÔNG NGHỆ CAO

Tên chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng

BÁO CÁO KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHU CÔNG
NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT, KHU CÔNG NGHỆ CAO

CƠ QUAN CHỦ TRÌ
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

CƠ QUAN TƯ VẤN *(nếu có)*
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Tháng, năm

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao:

- Địa chỉ, số điện thoại:

- Người đại diện:

- Tình hình hoạt động tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao (căn cứ số liệu tại Bảng 6a).

II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

1. Đơn vị thực hiện quan trắc:

2. Đánh giá kết quả quan trắc nước thải tự động (báo cáo hàng quý) đối chiếu với quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành.

3. Đánh giá kết quả quan trắc theo từng đợt lấy mẫu nước mặt, nước thải nước ngầm,... so với tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành (căn cứ số liệu tại Bảng 6c).

4. Lập biểu đồ và đánh giá diễn biến kết quả quan trắc theo từng đợt, từng năm, theo các thông số quan trắc đối với từng thành phần môi trường.

III. CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Số cơ sở phát sinh khí thải tương ứng với lượng khí thải phát sinh của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và có hệ thống xử lý.

2. Kết quả đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung (tính đến thời điểm báo cáo):

+ Số cơ sở đầu nối tương ứng với lượng nước thải xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Số cơ sở được miễn trừ đầu nối tương ứng với lượng nước thải tự xử lý.

+ Số cơ sở không/ chưa đầu nối theo quy định tương ứng với lượng nước thải phát sinh.

3. Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao:

+ Tỷ lệ nước thải phát sinh so với công suất xử lý và nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Số ngày vận hành trong năm/ số ngày dừng vận hành hoặc bảo dưỡng.

+ Lượng điện tiêu thụ cho việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung (KWh/tháng).

+ Lượng bùn thải phát sinh, biện pháp xử lý.

- Hoạt động của hệ thống quan trắc tự động nước thải:

+ Số ngày hoạt động/ dừng hoạt động.

+ Số ngày có kết quả quan trắc nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

+ Hoạt động lưu giữ và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương.

4. Tổng lượng chất thải rắn thông thường/ nguy hại phát sinh và được xử lý.

IV. CÔNG TÁC PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ VÀ KHẮC PHỤC SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường (theo Bảng 6b) tập trung làm rõ các nội dung chính như sau:

+ Các giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

+ Việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét chung về chất lượng môi trường tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

2. Nhận xét và đánh giá chung về sự tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường, công tác xử lý chất thải và quan trắc môi trường của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và các cơ sở trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

3. Các kiến nghị, đề xuất (nếu có).

CÁC PHỤ LỤC

- Sơ đồ vị trí lấy mẫu, quan trắc các thành phần môi trường theo yêu cầu của Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các bảng mẫu 6a, 6b, 6c.

- Các phiếu kết quả quan trắc, phân tích mẫu.

Bảng 6a. Danh sách các cơ sở hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao

STT	Tên cơ sở	Vị trí	Loại hình sản xuất	Lượng khí thải phát sinh	Biện pháp xử lý khí thải	Lượng nước thải phát sinh (m ³ /ngày đêm)	Biện pháp xử lý khí thải (Tự xử lý đạt QCVN/đầu nối vào HTXLNTT KCN/chuyển giao nước thải)	Chất thải rắn (tấn/năm)		Biện pháp xử lý chất thải rắn
								CTR thông thường	CTR nguy hại	
1										
2										
3										
...										

Bảng 6b. Kết quả thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

STT	Sự cố	Thời gian xảy ra	Nguyên nhân	Hậu quả, tác động	Các hoạt động ứng phó, khắc phục	Các khó khăn và đề xuất

Bảng 6c. Kết quả chương trình quan trắc môi trường khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao¹

Loại mẫu: (Thành phần môi trường/ nước thải)

Lưu lượng thải (m³/ngày đêm đối với nước thải)

Thời điểm lấy mẫu:

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Phương pháp phân tích	Kết quả tại các vị trí lấy mẫu ²			QCVN hiện hành
				Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí ...	
1.	Thông số ...						
2.	Thông số ...						
3.	Thông số ...						
4.	Thông số ...						
5.	Thông số...						
...	Thông số...						

Ghi chú:

¹ Kết quả quan trắc theo từng loại mẫu đất/ nước thải/ nước mặt/ nước ngầm/ không khí,... được biểu diễn thành các bảng, biểu riêng.

² Ghi rõ từng vị trí lấy mẫu.

Lưu ý, báo cáo gửi kèm theo file về Ban Quản lý KKT Vân Phong qua địa chỉ email: pthyen@khanhhoa.gov.vn